

**BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN**

Lớp: **TML21B2** Năm học: **22-23**  
Mã môn học/ Mô đun: **MD04082** Học kỳ: **02**  
Tên môn học/ Mô đun: **Hệ thống máy lạnh công nghiệp**  
Số tín chỉ: **4**

| STT | MSHS       | Họ tên             | Ngày sinh  | Hệ số 1 |   |   |     | Hệ số 2 |     |     |  | ThiL1 | ThiL2 | ĐMH/<br>MD |
|-----|------------|--------------------|------------|---------|---|---|-----|---------|-----|-----|--|-------|-------|------------|
| 1   | 21BTML0072 | Nguyễn Trọng Nghĩa | 26/11/2004 | 8       | 7 | 8 | 8.0 | 6.0     | 7.0 | 7.0 |  | 8.0   |       | 7.7        |
| 2   | 21BTML0075 | Nguyễn Minh Nhựt   | 02/09/2006 | 8       | 7 | 7 | 7.0 | 7.0     | 8.0 | 6.0 |  | 7.5   |       | 7.3        |
| 3   | 21BTML0076 | Phạm Công Phát     | 26/01/2000 | 7       | 8 | 7 | 6.0 | 7.0     | 7.0 | 8.0 |  | 7.0   |       | 7.0        |
| 4   | 21BTML0077 | Lai Minh Quân      | 15/10/2000 | 7       | 7 | 7 | 6.0 | 6.0     | 7.0 | 7.0 |  | 3.0   |       | 4.5        |
| 5   | 21BTML0081 | Nguyễn Hữu Thắng   | 24/04/2003 | 7       | 7 | 7 | 8.0 | 7.0     | 7.0 | 8.0 |  | 8.0   |       | 7.7        |
| 6   | 21BTML0086 | Tô Hoàng Tính      | 27/05/2006 | 7       | 7 | 7 | 8.0 | 6.0     | 7.0 | 7.0 |  | 3.5   |       | 4.9        |
| 7   | 21BTML0087 | Đặng Quốc Trung    | 18/01/2006 | 7       | 7 | 7 | 8.0 | 7.0     | 7.0 | 6.0 |  | 8.0   |       | 7.6        |

Châu Đốc, ngày 2 tháng 6 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Văng Minh Khoa